

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 13- 6- 2018

"Về việc ly hôn, tranh chấp
về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AM, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Thành Sơn

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện A M, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A M, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện A M, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ph Thị Ph, sinh năm 1974 (có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Ph Hoàng L, sinh năm 1973 (có mặt);

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Phạm Hoàng Đ, sinh ngày 16/11/1996 (vắng mặt);

- Bà Tôn Thị V, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Cùng cư trú: ấp Kim Qui A, xã Vân Khánh, huyện AM- Kiên Giang.

- Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện AM, Kiên Giang (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Thứ 11, huyện AM, tỉnh Kiên Giang;

- Ông Lê Văn H, sinh năm 1950 (vắng mặt);

Cư trú: ấp Cạn Ngọn A, xã Thạnh Yên, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 31/7/2017, các đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/9/2017, ngày 28/12/2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phan Thị Ph trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị Phan Thị Ph chung sống với anh Phạm Hoàng L chung sống với nhau vào năm 1989 đến nay không đăng ký kết hôn, thời gian chung sống chị và anh Phạm Hoàng L có 02 đứa con chung tên Phạm Bích T, sinh năm 1990 hiện nay có gia đình sinh sống riêng và Phạm Hoàng Đ, sinh ngày 16/11/1996 hiện nay chung sống trong gia đình; về tài sản, vợ chồng có diện tích đất 14 công tọa lạc tại ấp Kim Qui A, xã Vân Khánh, huyện AM, tỉnh Kiên Giang, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vợ chồng thế chấp vay tiền ngân hàng và năm 2009 cha của chị là ông Lê Văn H cho chị 01 cái nền nhà ngang 05 mét, dài 12 mét tọa lạc tại ấp Kim Qui B, xã Vân Khánh, huyện AM, tỉnh Kiên Giang, có làm văn bản (có giấy tay), 01 căn nhà, 02 xe hon đa chị đang đứng tên giấy đăng ký xe (hiện nay chị và anh Phạm Hoàng Đ đang sử dụng 02 xe hon đa), 01 căn nhà ngang 06 mét x dài 12 mét tọa lạc tại ấp Kim Qui A, xã Vân Khánh, huyện AM, tỉnh Kiên Giang; về nợ, vợ chồng nợ Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện AM, Kiên Giang 50.000.000 đồng, nợ chị Tôn Thị G 20.000.000 đồng. Quá trình chung sống chị bị bệnh phải phẫu thuật 03 lần, sức khỏe chị bị sa sút mà anh Phạm Hoàng L không quan tâm lo lắng chia sẻ với chị mà anh Phạm Hoàng L thường xuyên ăn nhậu về còn kiếm chuyện xúc phạm đến chị, nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về hôn nhân, chị xin được ly hôn với anh Phạm Hoàng L; về con, khi ly hôn con tên Phạm Hoàng Đ sống với ai người đó nuôi dưỡng; về tài sản, chị không yêu cầu giải quyết mà chị yêu cầu Tòa án ghi nhận theo văn bản giữa chị và anh Phạm Hoàng L tự thỏa thuận ngày 14/11/2017, không yêu cầu giải quyết; về nợ, chị và anh Phạm Hoàng L có nợ Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn huyện AM, số tiền vốn gốc là 50.000.000 đồng, nay chưa đến hạn thanh toán và nợ chị Tôn Thị V 20.000.000 đồng, trong thời gian gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chị đã trả xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Phạm Hoàng L trình bày:*

Anh thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh đã sống ly thân với chị Ph từ năm 2015 cho đến nay; về con chung, về tài sản và nợ chung theo như chị Phan Thị Ph trình bày là đúng. Nay về quan hệ hôn nhân anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Phan Thị Ph; về con anh và chị Ph có 02 người con chung tên Phạm Bích T, sinh năm 1990 và Phạm Hoàng Đ, sinh năm 1996 hiện nay các con có nghề nghiệp ổn định nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung anh không tranh chấp, không yêu cầu quyết; về nợ anh thừa nhận vợ chồng có vay của Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn huyện AM, số tiền gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi đã thanh toán đầy đủ, mục đích vay để lấy tiền sang đất nay chưa đến hạn thanh toán không yêu cầu giải quyết.

** Tại đơn yêu cầu ngày 26/3/2018 và trong quá trình tố tụng, ông Cao Văn B là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện AM, Kiên Giang trình bày:

Ngân hàng chúng tôi có cho chị Phan Thị Ph vay số tiền 50.000.000 đồng vốn gốc, thời hạn cho vay là 01 năm, lãi suất 10%/ năm, lãi suất quá hạn 15%/ năm, thời hạn trả lãi là 6 tháng trả 01 lần. Từ khi vay đến nay chị Ph trả lãi đủ, thời điểm trả nợ vốn gốc ngày 24/7/2018, đến nay hợp đồng chưa đến hạn trả nên Ngân hàng chúng tôi không khởi kiện đòi tiền vay chị Ph, không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án ly hôn.

** Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Hoàng Đ có ý kiến trình bày:*

Cha là Phạm Hoàng L, mẹ là Phan Thị Ph ly hôn nhau có thỏa thuận giao cho con diện tích đất tọa lạc tại ấp Kim Qui B, xã Vân Khánh, huyện AM, tỉnh Kiên Giang ngang 05 mét, dài từ mé nước sông Kim Quy lên 09 mét, đồng ý nhận. Khi cha mẹ ly hôn anh có nguyện vọng chung sống với mẹ là Phan Thị Ph, không ý kiến và yêu cầu gì.

** Tại giấy xác nhận ngày 15/5/2018 và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 17/5/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Tôn Thị V trình bày:*

Ngày 11 tháng 6 năm 2017, chị Ph có mượn của chị 20.000.000 đồng và đã trả cho chị vào ngày 20 tháng 02 năm 2018, hiện nay chị Ph không có nợ chị nên chị yêu cầu xét xử vắng mặt chị.

** Tại đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 07/5/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H trình bày:*

Vào ngày 21/10/2009, ông có chuyển nhượng cho con gái ông là Phan Thị Ph cái nền nhà ngang 06 mét, dài khoảng 09 mét, giá là 22.000.000 đồng nhưng ông cho lại 12.000.000 đồng, chị Phụng trả cho ông 10.000.000 đồng, khi chuyển nhượng có làm giấy viết tay, có xác nhận của chính quyền địa phương, tại thời điểm chuyển nhượng thì chị Ph và anh L còn chung sống với nhau. Nay ông xác định không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn chị Phan Thị Ph yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Hoàng L. Về con, khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con tên Phạm Hoàng Đ, ngày 16/11/1996, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, không yêu cầu giải quyết. Về nợ, chị và anh L có nợ Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện AM, Kiên Giang số tiền vay vốn gốc là 50.000.000 đồng, nay chưa đến hạn thanh toán và nợ chị Tôn Thị V 20.000.000 đồng, đến nay chị Ph đã trả chị V xong, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Phạm Hoàng L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Ph. Về con, khi ly hôn anh đồng ý giao con tên Phạm Hoàng Đ, ngày 16/11/1996 cho chị Ph nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung anh không yêu cầu giải quyết; về nợ anh thừa nhận vợ chồng có vay của Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện AM, Kiên Giang số tiền vốn gốc là 50.000.000 đồng, không yêu cầu giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Hoàng Đ, bà Tôn Thị V, ông Lê Văn H, Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện AM, Kiên Giang có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phan Thị Ph yêu cầu xin được ly hôn với anh Phạm Hoàng L, tranh chấp về nuôi con là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khi chị Ph khởi kiện Tòa án thụ lý vụ án giải quyết và hiện nay bị đơn anh L, cư trú tại ấp Kim Qui A, xã Vân Khánh, huyện AM, tỉnh Kiên Giang là vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện AM theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Hoàng Đ, bà Tôn Thị V, ông Lê Văn H, Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện AM, Kiên Giang có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ, bà V, ông H, Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện AM, Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Ph và anh L chung sống với nhau vào năm 1989 đến nay không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã nơi một trong hai người cư trú*) là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 và đến khi có Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (*có hiệu lực ngày 01-01-2001*), các Cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền đã có nhiều văn bản quy định hướng dẫn việc đăng ký kết hôn đối với những trường hợp như của anh chị trong thời gian hai năm từ ngày 01/01/2001 đến ngày 01/01/2003, nhưng cho đến nay khi có đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Ph thì hai người vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, đối chiếu với các quy định của pháp luật thì anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng, cụ thể:

[4] Tại điểm b khoản 3 của Nghị quyết số: 35/2000/QH 10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Nam và Nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003... Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng..."* và điểm b khoản 2 của Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của TANDTC, VKSNDTC, BTP về việc hướng

dẫn thi hành Nghị quyết 35 của QH quy định: *"Kể từ ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn... thì họ không được công nhận là vợ chồng, nếu một hoặc cả hai bên có yêu cầu xin ly hôn, thì Tòa án thụ lý để giải quyết và áp dụng điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35 của Quốc hội, khoản 1 điều 11 luật hôn nhân và gia đình năm 2000 bằng bản án tuyên bố không công nhận họ là vợ chồng. Nếu họ có yêu cầu về nuôi con và chia tài sản, thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết theo thủ tục chung"*.

[5] Ngoài ra, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình quy định : *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này..."*

[6] Do đó, đối chiếu với trường hợp của chị Ph và anh L thấy rằng, chị Ph và anh L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 và không đăng ký kết hôn, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Phượng yêu cầu được ly hôn với anh L, tuy anh L đồng ý ly hôn với chị Ph nhưng theo các quy định pháp luật đã được viện dẫn trên thì không ghi nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị mà Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Ph và anh L là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[7] Về con chung, chị Phg và anh L thống nhất, tự xác định anh chị có 02 đứa con chung tên Phạm Bích T (*Tiên*), sinh năm 1990 và Phạm Hoàng Đ, sinh ngày 16/11/1996. Hiện nay Phạm Bích T có gia đình sinh sống riêng. Phạm Hoàng, khi ly hôn anh chị thống nhất con Phạm Hoàng Đ đang sống chung chị Ph nên ghi nhận sự tự thỏa thuận của anh chị và nguyện vọng của Phạm Hoàng Đ. Khi anh chị ly hôn giao con Phạm Hoàng Đ, sinh ngày 16/11/1996 cho chị Ph nuôi, anh L không cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về tài sản chung, chị Ph và anh L tự thống nhất, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[9] Về nợ, chị Ph và anh L xác định có nợ Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện AM, Kiên Giang số tiền vay vốn gốc là 50.000.000 đồng, nay chưa đến hạn thanh toán và nợ chị Tôn Thị V 20.000.000 đồng đến nay chị Ph đã trả xong. Trong quá trình tố tụng, chị V cũng xác định chị Ph đã trả xong, Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện AM, Kiên Giang xác định chưa đến hạn trả nợ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[10] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phan Thị Ph và anh Phạm Hoàng L.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận của chị Ph và anh L và nguyện vọng của Phạm Hoàng Đ. Khi anh chị ly hôn giao con chung của anh chị tên Phạm Hoàng Đ, sinh ngày 16/11/1996 cho chị Phan Thị Ph nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con (Phạm Hoàng Đ đang sống chung chị Ph).

3. Về tài sản chung, chị Phan Thị Ph và anh Phạm Hoàng L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí, chị Phan Thị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008653 ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AM. Chị Phan Thị Ph nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 13/6/2018. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án này được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện AM;
- Chi cục THADS huyện AM;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP.

Lê Mỹ Huê